

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐÓP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HS-ST
Ngày: 20/01/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐÓP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đoàn Ngọc Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Điều Thị Hương và ông Nguyễn Hữu Nhuận.

- Thư ký phiên toà: Ông Nông Văn Thắng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bù Đóp, tỉnh Bình Phước.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đóp, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại Toà án nhân dân huyện Bù Đóp, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 90/2024/HSST ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/HSST-QĐ ngày 07/01/2025 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: **Nguyễn Thành Q**; Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1992, tại Quảng Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Nơi thường trú: thôn Kc, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam; Nơi ở hiện tại: 29/61/8 Lê Đức T, Phường 07, quận G, Tp. Hồ Chí Minh; Họ và tên cha Nguyễn B, Sinh năm: 1953; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị H, Sinh năm: 1952; Bị cáo có 5 anh chị, lớn nhất sinh năm 1973 và nhỏ nhất sinh năm 1992; Họ và tên vợ: Nguyễn Thị Thu S, sinh năm: 1993; Bị cáo có 01 người con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: không; Ngày 28/6/2020, phạm tội “Vi phạm các quy định về khai thác, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản”, bị khởi tố, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú để điều tra đến nay – có mặt.

2. Họ tên: **Điền Hoàng N**; Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1993, tại Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Hoa; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: tài xế; Nơi thường trú: 535/53 Lê H, tổ 3, khu 3, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; Chỗ ở: 205A1, Khu phố 3, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; Họ và tên cha: Điền S, Sinh năm: 1968; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị Thu T, Sinh năm: 1974; Bị cáo có 1 người em sinh năm 2000; Họ và tên vợ: Lưu Thị Kim Y, sinh năm: 1992; Bị cáo có 01 người con sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: không; Ngày 28/6/2020, phạm tội “Vi phạm các quy định về khai thác, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản”, bị khởi tố, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú để điều tra đến nay – có mặt

- **Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thành Q và bị cáo Điền Hoàng N:** ông Dương Văn Q, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn T, Quảng N. Là Luật sư Công ty TNHH R – có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Nguyễn Thành T, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 31D, M, khu phố 2, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 02/2020, Nguyễn Thành Q, trú tại 29/61/8 Lê Đức Thọ, phường 7, Quận G, Hồ Chí Minh thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (Công ty TNHH MTV) nông lâm sản Đ, đặt trụ sở tại thôn 4, xã T, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước. Ngày 22/6/2020, Q hợp đồng mua bán gỗ chủng loại Cẩm xe (Da đá) với Công ty TNHH MTV TM&DV B, kèm theo hóa đơn GTGT số: 008392, ký hiệu: 38AA/16P ngày 22/6/2020 gỗ Cẩm xe - *Martiodendro parviflorum* và hồ sơ giấy tờ nguồn gốc, xuất xứ do Công ty B cung cấp. Q đã bán số gỗ mua của Công ty B cho các xưởng gỗ khác và lưu giữ lại bộ hồ sơ của số gỗ trên tại Công ty. Ngoài ra, Q mua gỗ không rõ nguồn gốc của nhiều người dân địa phương sau đó phân loại gỗ và lập bảng kê lâm sản đối với từng loại gỗ. Trong tháng 6/2020, Điền Hoàng N trú tại tổ 4, ấp V, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước, ký hợp đồng mua gỗ của Q với số lượng khoảng hơn 20m³ gỗ cẩm xe (Da đá) đã xẻ thành 42 hộp, đơn giá 13 triệu đồng/m³. Ngày 26/6/2020 N thuê Nguyễn Thành T vận chuyển gỗ từ xưởng của Q ở Bù Đốp về Bình Long giá 5.000.000 đồng. Sau đó, N điều khiển xe mô tô từ Bình Long còn T điều khiển xe ô tô biển số 71C-044.05 lên xưởng gỗ của Q để nhận gỗ. Tuy nhiên, khi lên đến Bù Đốp Q hẹn giao gỗ vào ngày 28/6/2020 nên N và T thuê nhà nghỉ H ở thôn 4, xã Thiện Hưng để thuê phòng nghỉ. Chiều ngày 28/6/2020, N đến Công ty TNHH MTV nông lâm sản Đ gặp Q thỏa thuận mua gỗ. Q nói có khoảng hơn 20m³ gỗ Cẩm xe (da đá) gồm 42 hộp gỗ xẻ, không có giấy tờ hợp lệ bán với giá 13 triệu đồng/m³ tổng thành tiền là 308.308.000 đồng kèm theo bảng kê của 42 hộp gỗ do Q lập. Sau đó, N gọi T chạy xe ô tô tải 71C-044.05 đến Công ty Đ bốc xếp gỗ lên xe và vận chuyển về Bình Long.

Khi xe ô tô đi đến khu vực ngã ba thuộc khu phố Thanh Bình, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp thì bị Phòng Cảnh sát kinh tế - Công an tỉnh Bình Phước, Công an huyện Bù Đốp, Hạt kiểm lâm huyện Bù Đốp kiểm tra. Do N không xuất trình được hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc số gỗ đang vận chuyển trên xe ô tô nên bị lập biên bản tạm giữ toàn bộ tang vật, phương tiện vi phạm, gồm: 42 hộp gỗ xẻ không rõ nguồn gốc và xe ô tô biển số 71C - 044.05; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 71C-044.05; 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thành T; 01 giấy chứng nhận kiểm định của xe ô tô biển số: 71C - 044.05 để xác minh làm rõ.

Sau khi bị tạm giữ gỗ, N nói cho Q biết. Q đưa cho N bộ hồ sơ gỗ nhập khẩu gồm 37.432 m³ gỗ cẩm xe tròn, tên khoa học *Martiodendro Parviflorum* do Q mua của Công ty B ngày 22/6/2020 kèm theo bảng kê lâm sản gồm 42 hộp gỗ và biên bản sơ chế gỗ do

Q lập, kèm theo 01 hóa đơn giá trị gia tăng mua bán gỗ số 0057803 ghi ngày 28/6/2020. Sau đó, N mang bộ hồ sơ gỗ và hóa đơn này giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an huyện Bù Đốp.

Ngày 29/6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Phước tiến hành đo, đếm xác định 42 hộp gỗ trên xe ô tô biển số 71C - 044.05 có khối lượng 21,286 m³, quy tròn là 34, 057 m³.

Kết luận giám định mẫu vật số: 515/BB-SHNĐ ngày 12/8/2020 của Viện Sinh học Nhiệt đới thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam xác định: 42 hộp gỗ xẻ vận chuyển trên xe ô tô biển số 71C - 044.05 là gỗ Cẩm xe (Da đá), thuộc họ Đậu - Fabaceae, nhóm II trong bảng phân loại gỗ, có tên khoa học là *Xylia Dolabriformis Benth*, không thuộc danh mục thực vật rừng nguy cấp Q hiếm được bảo vệ và thực thi công ước quốc tế về buôn bán động vật, thực vật hoang dã nguy cấp theo Nghị định 06/2019/CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, Q, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

Công văn số 682/SHNĐ-TNTĐ ngày 22/10/2020 của Viện sinh học nhiệt đới xác định: không thể đưa ra những đặc điểm giống và khác nhau của hai loại gỗ Cẩm xe *Martiodendro parviflorum* và cẩm xe *Xylia dolabriformis Benth* vì không có mẫu gỗ cụ thể của gỗ Cẩm xe - *Martiodendro parviflorum*. Loài cẩm xe *Martiodendro parviflorum* phân bố ở Nam Mỹ. Còn Cẩm xe - *Xylia dolabriformis Benth* phân bố ở Châu Á.

Kết luận định giá số 03/2021/BKL - ĐGTS ngày 20/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, xác định 42 hộp gỗ xẻ, khối lượng 21,298 m³ (quy tròn là 34, 057 m³) có giá trị 298.177.600 đồng.

Công văn số 3615/CCT-KTT ngày 17/8/2020 và Công văn số 2475/CCTKVLNBĐ-KTT 23/9/2024 của Chi cục thuế khu vực Lộc Ninh – Bù Đốp có và xác định: ngày 30/6/2020 Chi cục thuế khu vực Lộc Ninh - Bù Đốp bán 01 quyển hóa đơn GTGT, ký hiệu 38AC/11P, từ số 57801 đến số 57850 cho Công ty TNHH MTV Nông Lâm sản Đ, nhưng ngày 28/6/2020 Công ty TNHH MTV Nông Lâm sản Đ đã xuất hóa đơn trước ngày mua hóa đơn của Cơ quan thuế là không đúng. Hóa đơn N cung cấp cho Công an không liên quan đến toàn bộ số gỗ bị thu giữ.

Cáo trạng số: 05/CT-VKS-HS ngày 23/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Nguyễn Thành Q và bị cáo Điền Hoàng N về tội *Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” theo khoản điểm k khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành Q và bị cáo Điền Hoàng N về tội *Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”

Về mức hình phạt: Áp dụng điểm k khoản 1 Điều 232, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17, 58; và Điều 35 của Bộ luật hình sự và đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo Q từ 80.0000.000đồng đến 100.000.000đồng; bị cáo N từ

80.000.000đồng đến 100.000.000đồng. Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng và các vấn đề khác của vụ án theo qui định của pháp luật.

Ý kiến của Luật sư bào chữa cho các bị cáo: Ngoài các tình tiết quy định tại điểm I, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự như Kiểm sát viên đề xuất. Người bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm b và điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Căn cứ Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới 50.000.000đồng hoặc chuyển qua hình phạt khác nhẹ hơn.

Ý kiến của các bị cáo: Đồng ý về tội danh, điều luật mà đại diện Viện kiểm sát công bố tại phiên tòa, đồng ý với quan điểm bào chữa của luật sư. Không có ý kiến tranh luận hay bổ sung gì và các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] **Xét** hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bàn Đóp, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàn Đóp, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp pháp luật

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Tuy nhiên, xét thấy sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không trở ngại cho việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử vụ án theo quy định tại điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Nội dung vụ án: Trong tháng 6/2020, Điền Hoàng N ký hợp đồng mua gỗ của Nguyễn Thành Q với số lượng khoảng hơn 20m³ gỗ căm xe (Da đá) đã xẻ thành 42 hộp, đơn giá 13 triệu đồng/m³. Ngày 26/6/2020 N thuê Nguyễn Thành T vận chuyển gỗ từ xưởng cưa của Q ở Bàn Đóp về thị xã Bình Long giá 5.000.000đồng, T đồng ý và điều khiển xe ô tô biển số 71C-044.05 lên xưởng gỗ của Q để nhận gỗ. Chiều ngày 28/6/2020, N và T đến Công ty TNHH MTV nông lâm sản Đ. N gặp Q thỏa thuận mua gỗ, loại gỗ Căm xe (da đá) gồm 42 hộp gỗ xẻ, không có giấy tờ hợp lệ bán với giá 13 triệu đồng/m³ tổng thành tiền là 308.308.000đồng. Sau khi chất gỗ lên xe ô tô tải biển kiểm soát 71C-044.05. T điều khiển xe ô tô cùng toàn bộ số gỗ về thị xã Bình Long. Trên đường đi thì bị Phòng Cảnh sát kinh tế - Công an tỉnh Bình Phước, Công an huyện Bàn Đóp, Hạt kiểm lâm huyện Bàn Đóp kiểm tra và tạm giữ toàn bộ 42 hộp gỗ xẻ và ô tô tải, giấy phép lái xe và giấy kiểm định xe ô tô. Sau khi bị tạm giữ gỗ, N cung cấp bộ hồ sơ chứng từ mua bán gỗ, bảng kê 42 hộp gỗ và biên bản sơ chế gỗ của Q, kèm theo 01 hóa đơn giá trị gia tăng mua bán gỗ số 0057803 ngày 28/6/2020. 22/6/2020 kèm theo bảng kê lâm sản gồm 42 hộp gỗ và biên bản sơ chế gỗ do Q lập, kèm theo 01 hóa đơn giá trị gia tăng mua bán gỗ số 0057803 ghi ngày 28/6/2020. Qua điều tra xác minh hồ sơ, hóa đơn chứng từ N cung

cấp là của 37.432m³ được Q mua về. Hồ sơ, hóa đơn chứng từ không liên quan đến 42 hộp gỗ xẻ, loại Cẩm xe (Da đá) đang bị thu giữ. Như vậy, 42 hộp gỗ xẻ, loại Cẩm xe (Da đá), có khối lượng 21,286 m³, quy tròn là 34, 057 m³ không có hóa đơn chứng từ hợp pháp chứng minh nguồn gốc.

Kết luận giám định mẫu vật số: 515/BB-SHND ngày 12/8/2020 của Viện Sinh học Nhiệt đới thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam xác định: 42 hộp gỗ xẻ vận chuyển trên xe ô tô biển số 71C - 044.05 là gỗ Cẩm xe (Da đá), thuộc họ Đậu - Fabaceae, nhóm II trong bảng phân loại gỗ, có tên khoa học là *Xylia Dolabriformis Benth*, không thuộc danh mục thực vật rừng nguy cấp Q hiếm được bảo vệ và thực thi công ước quốc tế về buôn bán động vật, thực vật hoang dã nguy cấp theo Nghị định 06/2019/CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, Q, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

Hành vi mua bán, vận chuyển 42 hộp gỗ Cẩm xe (da đá) của Nguyễn Thành Q và Điền Hoàng N đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”, 42 hộp gỗ cẩm xe không phải là loài thực vật nguy cấp, Q, hiếm nên Cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 23/12/2024 truy tố các bị cáo theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

[3]. Xét tính chất, mức độ ảnh hưởng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến trật tự quản lý, khai thác và bảo vệ rừng của nhà nước, các bị cáo biết rằng việc mua bán gỗ không có nguồn gốc xuất xứ là trái phép, vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện với mục đích thu lợi bất chính. Hành vi mua bán, vận chuyển gỗ của các bị cáo đã gián tiếp, tiếp tay cho hành vi khai thác gỗ trái phép trên địa bàn huyện Bù Đốp, gây ảnh hưởng xấu đến môi trường rừng và an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo thực hiện hành vi không có sự tổ chức, bàn bạc phân công vai trò từ trước, nên đây chỉ là vụ án đồng phạm giản đơn. Bị cáo Q là người đã đi mua thu gom gỗ của nhiều người, sau đó đem về bán lại cho bị cáo N để thu lợi, nên vai trò của bị cáo Q nguy hiểm hơn bị cáo N, cần xử phạt bị cáo Q mức hình phạt cao hơn bị cáo N. Bị cáo N thực hiện hành vi mua gỗ lại của bị cáo Q, vận chuyển gỗ về nhà tiêu thụ, nên vai trò của các bị cáo N thấp hơn bị cáo Q, nên xử phạt bị cáo N mức án phù hợp.

[4]. Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5]. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đều có con nhỏ, là lao động chính trong gia đình. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s, khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử cần áp dụng để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Xét đề nghị của Người bào chữa, cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả” và “Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn” quy định tại các điểm

b, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là không phù hợp, không phải là căn cứ để xem xét giảm nhẹ đối với hành vi phạm tội trong vụ án này nên không được chấp nhận. Tuy nhiên, các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, công việc ổn định, từ khi phạm tội đến nay các bị cáo về địa phương chấp hành tốt pháp luật. Nên chỉ cần áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo cũng đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo đã bị xử phạt tiền là hình phạt chính, số tiền thu lời bất chính đã bị truy thu nên miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Vật chứng trong vụ án:

Đối với 01 (Một) xe ô tô tải biển số 71C - 044.05 kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, giấy phép lái xe, giấy chứng nhận kiểm định là của Nguyễn Thành T. Do T vẫn chuyển gỗ thuê cho bị cáo N, không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên ngày 27/11/2020 Cơ quan CSĐT đã ra quyết định xử lý vật chứng số: 09/QĐ-ĐCSKT trả lại xe ô tô cho T có căn cứ nên HĐXX không xem xét lại.

Đối với 21,286m³ gỗ xẻ Cắm xe (quy tròn là 34, 057 m³) là vật chứng dễ hư hỏng, khó bảo quản nên đã được xử lý, tổ chức bán đấu giá thu về 301.991.000đồng. Số tiền gửi tại tài khoản tạm giữ số: 39490904700300000 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Đốp theo số tham chiếu giao dịch số 51752143, ngày 27/5/2021 của Kho bạc Nhà nước Bù Đốp. Xét số tiền nêu trên thu được từ việc bán đấu giá toàn bộ số gỗ các bị cáo mua bán vận chuyển trái phép nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 308.308.000đồng bị cáo Q nhận của bị cáo N từ việc bán gỗ. Sau khi nhận tiền Q đã trả hết tiền cho những người dân (không rõ nhân thân lai lịch) mà Q mua gỗ trước đó, còn lại 15.000.000đồng Q thu lợi bất chính. Xét số tiền thu lợi bất chính của Q có được từ hành vi phạm tội nên cần truy tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[8]. Về các vấn đề khác:

Đối với Nguyễn Thành T là người trực tiếp điều khiển xe ô tô tải 71C-044.05 vận chuyển số gỗ cho N nhưng hành vi của T là vận chuyên thuê, T không biết toàn bộ số gỗ là không có hoá đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc hợp pháp nên hành vi của T không phải là đồng phạm nên không đề cập xử lý hành vi của T là có căn cứ nên được chấp nhận.

Đối với những người dân bán gỗ lẻ cho Q, quá trình điều tra không xác định được nhân thân lai lịch, Q cũng không biết nhân thân lai lịch của người bán nên cơ quan điều tra tiếp tục xác minh và xử lý sau.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước là có căn cứ, phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9]. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội bị cáo phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành Q và Điền Hoàng N về tội “Vi phạm các quy định về khai thác, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản”.

Căn cứ vào điểm k khoản 1 Điều 232; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các điều 50; 17, 58 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Q 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo Điền Hoàng N 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng.

Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thành Q và bị cáo Điền Hoàng N.

2 Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Truy thu bị cáo Nguyễn Thành Q số tiền thu lợi bất chính là 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng sung vào ngân sách nhà nước

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 301.991.000 (Ba trăm lẻ một triệu chín trăm chín mươi một nghìn) đồng trong tài khoản tạm giữ số: 39490904700300000 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Bù Đốp theo số tham chiếu giao dịch số 51752143, ngày 27/5/2021 của Kho bạc Nhà nước Bù Đốp.

Tạm giữ số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng của bị cáo Nguyễn Thành Q và Điền Hoàng N (mỗi bị cáo 50.000.000đ) đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003672 ngày 15/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước để đảm bảo thi hành án;

4. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000(Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND tỉnh Bình Phước
- VKSND huyện Bù Đốp;
- CCTHADS huyện Bù Đốp;
- CA huyện Bù Đốp;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đoàn Ngọc Thảo